TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Bàn và bà Nguyễn Trang Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Quyên – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Quang Kh

Địa chỉ: Thôn Đình Xây, xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh

Địa chỉ: Thôn Đồng Tr, xã Báo Đ, huyện Trấn Y, tỉnh Yên Bái;

Thông tin do nguyên đơn cung cấp ban đầu: Hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2025, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn ông Lê Quang Kh trình bầy:

Ông Lê Quang Kh đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị Nh vào ngày 06 tháng 11 năm 2015 tại Uỷ ban nhân dân xã Báo Đ, huyện Trấn Y, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2019, bà Nh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu vẫn còn liên lạc, đến cuối năm 2023 thì bà Nh có về nước chữa trị bệnh nhưng sau đó bà Nh lại cắt khẩu về nhà ngoại. Đến nay ông Kh cũng không rõ

địa chỉ của bà Nh ở đâu. Nay ông Kh xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nh.

Về con chung: Ông Lê Quang Kh xác định vợ chồng có 01 người con chung là Lê Quang D, sinh ngày 28/11/2017. Hiện nay cháu D đang ở cùng ông Kh nên ông Kh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Quang Kh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Kh từ chối hoà giải, xin được phép vắng mặt tại phiên họp và phiên toà.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là bà Nguyễn Thị Nh vắng mặt, Ông Lê Quang Kh không thể cung cấp được địa chỉ hiện nay của bà Nguyễn Thị Nh tại Nhật Bản, thông qua phòng xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Yên Bái thì được biết là bà Nh xuất cảnh đến Đài Loan, nhưng cũng không biết địa chỉ cụ thể hiện nay của bà Nh. Tòa án đã đề nghị ông Nguyễn Văn M và bà Đinh Thị M (địa chỉ: Thôn Đồng Tr, xã Báo Đ, huyện Trấn Y, tỉnh Yên Bái) là bố mẹ đẻ bà Nh cung cấp địa chỉ và thông báo thông tin vụ án cho bà Nh đến lần thứ hai nhưng cũng không có kết quả, điều đó thể hiện là bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy vụ án được giải quyết theo thủ tục chung. Trên cơ sở đề nghị của ông Kh đề nghị Tòa án tiến hành thông báo công khai thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng và đề nghị bà Nh về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để giải quyết vụ án ly hôn, nhưng đến nay bà Nh vẫn không về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái hoặc gửi giấy tờ, tài liệu, lời khai để giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của Tòa án.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên trong Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 149, Điều 180, khoản 1 Điều 238, khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Quang Kh.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang Kh được ly hôn bà Nguyễn Thị Nh.

- Về con chung: Giao cho ông Lê Quang Kh trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Quang D, sinh ngày 28/11/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, bà Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền: Đây là vụ án về hôn nhân gia đình có đương sự trên địa bàn tỉnh Yên Bái đang cư trú tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái. Sau khi thụ lý vụ án, để tìm kiếm địa chỉ hiện nay của bà Nguyễn Thị Nh, Tòa án đã áp dụng các biện pháp để tìm kiếm, gửi Công văn hỏi Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Yên Bái, đã hai lần yêu cầu người nhà bà Nguyễn Thị Nh cung cấp địa chỉ nhưng người nhà bà Nh không cung cấp căn cứ vào hướng dẫn của Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Ông Lê Quang Kh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu của ông Lê Quang Kh xin được ly hôn bà Nh: Ông Lê Quang Kh và bà Nguyễn Thị Nh kết hôn với nhau vào ngày 06 tháng 11 năm 2015 tại Uỷ ban nhân dân xã Báo Đ, huyện Trấn Y, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Ông Kh xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do sau khi bà Nh đi xuất khẩu lao động thời gian đầu thì vẫn liên lạc, sau đó khi về nước lại cắt khẩu về nhà ngoại, rồi lại đi lao động tại nước ngoài và không còn liên lạc với ông Kh và cũng giấu cả địa chỉ nơi mình đang sinh sống, điều đó thể hiện đời sống chung không có, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông Lê Quang Kh được ly hôn bà Nguyễn Thị Nh.

Về con chung: Ông Lê Quang Kh xác định vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Quang D, sinh ngày 28/11/2017, khi ly hôn ông Kh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng của ông Kh là phù hợp vì cháu D đang do ông Kh nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng được ở với bố của cháu D, nên được chấp nhận.

Tài sản chung, nợ chung: Ông Kh xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về lệ phí tố tụng: Ông Lê Quang Kh phải chịu tiền lệ phí tố tụng về việc yêu cầu Tòa án thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng (được xác định theo hóa đơn, chứng từ của Đài Truyền thanh Trung ương và Báo công lý).

[4] Về án phí: Ông Lê Quang Kh phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang Kh được ly hôn bà Nguyễn Thị Nh.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quang D, sinh ngày 28/11/2017 cho ông Lê Quang Kh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Bà Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về lệ phí tố tụng: Ông Lê Quang Kh phải chịu 4.500.000 đồng tiền lệ phí đăng thông tin trên Báo và Đài phát thanh Trung ương (theo phiếu thu). Xác nhận ông Kh đã nộp đủ.

4. Về án phí: Ông Lê Quang Kh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Kh đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0001726 ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái. Ông Kh đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, ông Kh vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết; bà Nguyễn Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Vụ GĐKT3-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- UBND xã Báo Đ, huyện Trấn Y;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Thị Vân

***Nơi nhận**:*
- Vụ GĐKT3-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- UBND xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Vân